Unit 3. This is Tony

I. Structure - Cấu trúc

- this | đây (người hoặc vật được nhắc đến ở gần người nói và người nghe)
- that | kia (người hoặc được nhắc đến ở xa người nói và người nghe)

1. Đây/Kia là...

• This is + (tên).	Đây là…….
• That is + (tên).	Kia là…….
- **This is Tony.** ('This is' không được viết tắt)	- **That is Mary.** - **That's Mary.** That's = That is

2. Phải hay không phải?

- Yes | Phải/Có
- No | Không phải/Không

• Is this/that + (tên1)? ➔ Yes, it is. ➔ No, it isn't. It's + (tên2). (isn't = is not)	• Đây/Kia có phải…….không? ➔ Phải. ➔ Không phải. Đó là…….
• **Is this Tony?** ➔ **Yes, it is.** ➔ **No, it isn't. It's Tom.**	• **Is that Linda?** ➔ **Yes, it is.** ➔ **No, it isn't. It's Mary.**

LIVEWORKSHEETS

II. New words - Từ mới























LIVEWORKSHEETS

III. Phonics - Ngữ âm

Tt /t/	Yy /j/
Tony (Tony)	**yes** (phải/có)
letter (chữ cái, bức thư)	**yo-yo** (yo-yo)
meet (gặp, gặp gỡ)	×
*Trong tiếng Anh không có từ nào kết thúc bằng âm /j/.	

1. **This is Tony.**
   (Đây là Tony.)
2. **It's a letter.**
   (Đó là một bức thư.)
3. **Nice to meet you.**
   (Rất vui được gặp bạn.)
4. **Yes, it is.**
   (Phải.)
5. **It's a yo-yo.**
   (Đó là một cái yo-yo.)

__The end__

LIVEWORKSHEETS